

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
Công trình: Mở rộng tuyến đường C-C3, khu du lịch Hải Hòa,
huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về ban hành định mức xây dựng; số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1299/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Mở rộng tuyến đường C-C3, Khu du lịch Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6012/SXD-HĐXD ngày 28/9/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Mở rộng tuyến đường C-C3, khu du lịch Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa; kèm theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Mở rộng tuyến đường C-C3, khu du lịch Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Tên công trình: Mở rộng tuyến đường C-C3, khu du lịch Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

3. Chủ đầu tư: UBND thị xã Nghi Sơn.

4. Địa điểm xây dựng: Phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng: Công ty cổ phần Việt Thanh.

6. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

6.1. Thiết kế giao thông

a) Bình đồ tuyến: Cơ bản tuân thủ theo điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018. Riêng đoạn tuyến từ cọc D2 (Km0+572,93) đến cọc 19 (Km0+775,39) với chiều dài 184,46m được nắn tuyến cục bộ để tránh các khách sạn đã xây dựng kiên cố 5-7 tầng hiện trạng nhằm giảm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, có chiều dài 757,39m.

- Điểm đầu (điểm C): Km0+00 giao với điểm cuối tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi biển Hải Hòa.

- Điểm cuối: Km0+757,39 cách điểm C3 khoảng 50m.

b) Cắt dọc tuyến: Cao độ thiết kế phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và địa hình khu vực.

c) Cắt ngang tuyến: Chỉ giới đường đỏ $B_n=36,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=2\times 10,5\text{m}$; chiều rộng dải phân cách $B_{dpc}=3,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 6,0\text{m}$; dốc ngang mặt đường $i_{mặt}=2\%$, dốc hai mái sang hai bên. Độ dốc ngang hè đường $i_{hè}=2\%$ dốc về phía lòng đường.

d) Thiết kế nền đường: Đối với nền đường được đào đến đáy của lớp đất đắp $K\geq 0,98$ được xáo xới dày 30cm lu lèn đạt $K\geq 0,95$. Đối với nền đường đắp, trước khi đắp phải đào bỏ lớp đất hữu cơ dày trung bình 30cm và đắp trả bằng đất đạt độ chặt $K\geq 0,95$. Lớp đất dưới đáy áo đường dày 50cm được lu lèn đầm chặt $K\geq 0,98$.

e) Thiết kế mặt đường

- Sử dụng mặt đường cấp cao A1, $E_{yc}\geq 140\text{Mpa}$, gồm các lớp: Bê tông nhựa chặt C19 dày 7,0cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 0,5kg/m²; lán nhựa TCN 1,6kg/m² dày 1,5cm; cấp phối đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 12,0cm; cấp phối đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 24,0cm.

- Kết cấu đường ngang gồm các lớp: Bê tông nhựa chặt C19 dày 7,0cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 0,5kg/m²; lán nhựa TCN 1,6kg/m² dày 1,5cm; cấp phối đá dăm tiêu chuẩn lớp trên dày 15,0cm; cấp phối đá dăm tiêu chuẩn lớp dưới dày 15,0cm.

f) Thiết kế bó vỉa, đan rãnh, vỉa hè, cây xanh

- Vỉa hè lát bằng đá xẻ đục nhám kích thước 30x30x5cm, lớp vữa BTXM

M75 dày 2,0cm, lớp BTXM M150 dày 10cm. Khóa hè bằng bê tông M150 kích thước 10x17cm.

- Bó vỉa vỉa hè bằng đá xẻ kích thước (26x20,5x100)cm tại các đoạn thẳng; kích thước (26x20,5x40)cm tại các đoạn cong. Bó vỉa dải phân cách bằng đá xẻ kích thước (26x45x100)cm tại các đoạn thẳng; kích thước (26x45x50)cm tại các đoạn cong. Đáy vỉa vỉa hè khi lắp đặt, lót đệm VXM M100 dày 2cm trên lớp bê tông M150 dày 10cm.

- Hồ trồng cây bằng đá xẻ, kích thước hồ trồng cây 1,2x1,2m; khoảng cách trung bình 10m/hố. Hồ trồng cây phía biển bằng đá xẻ, kích thước 1,0x10,0m. Đáy thanh vỉa hồ trồng cây khi lắp đặt, lót đệm VXM M100 dày 2cm trên lớp bê tông M150 dày 5cm.

- Đan rãnh BTXM M200 kích thước 30x50x5cm.

g) Kè gia cố mái taluy bên phía biển

- Thiết kế gia cố kè lát mái hệ số $m=3$. Đỉnh kè bằng dầm BTCT M250 đổ tại chỗ, theo chiều dài tuyến trung bình 11,8m đặt khe lún có 02 lớp giấy dầu tấm nhựa đường. Phía trên đỉnh kè rộng $B=1,0m$ là bồn trồng hoa cây cảnh kết hợp lát đá sau đó là vỉa hè và đường giao thông. Mái kè bằng BTXM M250 đúc sẵn kích thước 40x40x28cm, khung dầm BTCT mác 250 tại chỗ dưới trải vải địa kỹ thuật. Chân kè kết cấu bằng bê tông M250 rộng mặt trên 0,5m, rộng đáy dưới 0,7m, sâu 1,5m.

- Bậc lên xuống mái kè được bố trí trung bình từ (50-60)m/bậc để thuận lợi cho du khách đi ra biển tắm. Kết cấu bằng BTXM M250, rộng 0,45m, cao 0,15m, dài 10,20m.

- Gờ chắn phía biển được bố trí trên dầm đỉnh kè mái, những vị trí bậc lên xuống, sân khấu không bố trí gờ chắn. Kết cấu bằng BTXM M200 kích thước 25x20cm.

h) Sân khấu: Sân khấu có kích thước (65+49)x20m, diện tích $S=1.500m^2$. Mặt sân khấu lát đá Granit dày 3cm, VXM M75 dày 2cm, bê tông xi măng M200 dày 7cm, lót nilông tái sinh phía dưới đất nền đầm chặt đạt $K \geq 0,95$. Xung quanh sân khấu được trang trí bằng các bồn trồng hoa. Kết cấu bồn hoa bằng tường bằng bê tông M200, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm, mặt được ốp đá Granit dày 3cm, VXM kết dính M75 dày 2cm. Kết cấu bậc lên xuống: mặt bậc đỡ bằng bê tông M200, phía dưới đệm đá dăm dày 10cm, mặt được ốp đá Granit dày 3cm, VXM kết dính M75 dày 2cm.

6.2. Hệ thống thoát nước mưa, nước thải

a) Hệ thống thoát nước mưa:

- Thiết kế trên nguyên tắc tự chảy, công thoát nước mưa sử dụng cống bê tông ly tâm D800 đi ngầm trên vỉa hè. Trên tuyến bố trí hệ thống ga thăm kết hợp ga thu với khoảng cách trung bình 31m/hố.

- Kết cấu hố ga: Thành hố ga bê tông M200 dày 25cm; đế ga BTCT M250

đúc sẵn phía dưới đệm đá dăm dày 10cm; tấm đan BTCT M250; nắp ga thăm và nắp hố thu bằng composite; bậc thang lên xuống bằng thép D20.

b) Hệ thống thoát nước thải

- Thiết kế trên nguyên tắc tự chảy, sử dụng cống bê tông ly tâm D300 đi ngầm trên vỉa hè. Nước thải của tuyến đường được thu gom và chảy qua tuyến cống ly tâm D600 thoát nước thải ra kênh Than. Trên tuyến bố trí hệ thống ga thăm với khoảng cách trung bình 31m/hố.

- Kết cấu hố ga: Thành hố ga bê tông M200 dày 25cm; đế ga BTCT M250 đúc sẵn phía dưới đệm đá dăm dày 10cm; tấm đan BTCT M250; nắp ga thăm bằng composite.

6.3. Hệ thống cấp nước

- Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ đường ống D110 của Chi nhánh cấp nước sạch Tỉnh Gia nằm trên đường đi biển Hải Hòa, cách tuyến đường khoảng 1,547km.

- Ống cấp nước sử dụng ống HDPE D110, D50, D63, D75 đi trên vỉa hè dọc tuyến đường. Đoạn ống qua đường được lồng trong ống thép bảo vệ. Hệ thống van chặn, van xả cạn, xả khí,... thiết kế đồng bộ. Trên đường ống D110mm lắp đặt các trụ cứu hỏa, khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa không quá 120m/trụ.

6.4. Hệ thống cấp điện chiếu sáng

- Nguồn chiếu sáng đường phố được lấy từ tủ điều khiển chiếu sáng hiện có, vị trí đặt tủ 01 mới (nằm tại Km0+492 bên phải tuyến) khoảng 70m được cấp bởi trạm TBA 100kVA-35/0,4kV khu du lịch Hải Hòa theo văn bản thỏa thuận số 453/ĐLTG-KHKT ngày 10/12/2019 của Điện lực Tỉnh Gia. Dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC 3x50+1x35mm² được luồn trong ống nhựa gân xoắn.

- Hệ thống điện chiếu sáng: Gồm hệ thống điện chiếu sáng trên vỉa hè trái tuyến (phía biển) và điện chiếu sáng tại giải phân cách giữa đường. Điện chiếu sáng trên vỉa hè trái tuyến sử dụng cột đèn trang trí cao 4,8m, khoảng cách 20m/cột. Điện chiếu sáng tại giải phân cách giữa sử dụng cột thép tròn còn liền cần đôi cao 11,0m, bóng đèn led công suất 150W, khoảng cách trung bình 30m/cột.

- Bố trí đèn pha tại vị trí nút giao và khu vực sân khấu. Đèn pha sử dụng cột thép đa giác cao 14m, lồng đèn cố định 4 hướng, bóng đèn công suất 400W.

- Dây dẫn điện chiếu sáng sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x25+1x16mm², dây dẫn lên đèn sử dụng dây Cu/XLPE 2x1,5mm².

- An toàn cho hệ thống điện được thiết kế đồng bộ.

6.5. Thiết kế an toàn giao thông: Cột Km, quy cách sơn, biển báo các loại bố trí theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

(chi tiết theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

7. Tổng dự toán xây dựng: 52.760.091.000 đồng (Năm hai tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, không trăm chín mốt nghìn đồng); trong đó:

- Chi phí xây dựng: 44.755.340.000 đồng;
- Chi phí QLDA: 934.573.000 đồng;
- Chi phí TVĐTXD: 2.619.294.000 đồng;
- Chi phí khác: 1.424.928.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 3.025.956.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí xây dựng không quá 50 tỷ đồng để đầu tư phần xây lắp; ngân sách huyện và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện phần còn lại của dự án.

Điều 2. Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình thực hiện có trách nhiệm tiếp thu và thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6012/SXD-HĐXD ngày 28/9/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H'39.887).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG
Công trình: Mở rộng tuyến đường C-C3, Khu du lịch Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia
(nay là thị xã Nghi Sơn), tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HẠNG MỤC	DIỄN GIẢI	THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG		44.755.340.000
1	Nền, mặt đường - ATGT	<i>Dự toán chi tiết</i>	13.833.564.174
2	Hệ thống thoát nước mưa D800		5.109.888.362
3	Hệ thống thoát nước thải D600 ra kênh Than		2.655.000.906
4	Hệ thống thoát nước thải D300		1.504.421.269
5	Cống thoát bản KĐ=1,0m và cửa xả D600		121.072.195
6	Cống tròn ly tâm ĐK=1,5m và hố ga		328.235.381
7	Bó vỉa - Hè đường - Trồng cây		7.796.813.529
8	Sân khẩu		1.474.676.387
9	Kè biển		7.960.216.825
10	Hệ thống cấp nước sinh hoạt		1.577.610.966
11	Hệ thống điện chiếu sáng		2.393.840.331
II	CHI PHÍ QLDA	2,297% x Gxdtt	934.573.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD		2.619.294.000
1	Chi phí khảo sát bước lập báo cáo NCKT (bao gồm cả chi phí dự phòng)	QĐ số 260/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND huyện Tĩnh Gia	145.804.000
2	Chi phí lập báo cáo NCKT		253.411.000
3	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát bước NCKT		3.787.000
4	Giám sát công tác khảo sát bước lập DADT		5.140.000
5	Chi phí khảo sát BVTC, Chi lập hồ sơ và cắm cọc GPMB	QĐ số 1900/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	113.998.000
6	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát bước BVTC		2.311.636
7	Giám sát công tác khảo sát bước BVTC		3.451.427
8	Chi phí thiết kế BVTC	QĐ số 4528/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND Tx Nghi Sơn	500.000.000
9	Chi phí thẩm tra thiết kế	0,124% x 1,1 x Gxdtt	55.297.507
10	Chi phí thẩm tra dự toán	0,117% x 1,1 x Gxdtt	52.442.514
11	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu	QĐ số 3207/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ	101.420.000

		tịch UBND Tx Nghi Sơn	
12	Giám sát kỹ thuật - thi công	$2,463\% \times 1,1 \times \text{Gxdtt}$	1.102.231.300
13	Chi phí thẩm tra ATGT	QĐ số 1299/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	80.000.000
14	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường		200.000.000
IV	CHI PHÍ KHÁC		1.424.928.000
1	Rà phá bom mìn	QĐ số 1299/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	225.000.000
2	Bảo hiểm công trình	$0,25\% \times 1,1 \times \text{Gxdtt}$	111.888.350
3	Thẩm định Dự án đầu tư	QĐ số 1299/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	12.252.124
4	Thẩm định HSMT và KQĐT xây lắp	$0,10\% \times \text{Gxdtt}$	40.686.673
5	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn giám sát	(Mức tối thiểu)	2.000.000
6	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn KS-TK bước TK BVTC	nt	2.000.000
7	Thẩm định HSMT và KQĐT tư vấn Kiểm toán	nt	2.000.000
8	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	$20,0\% \times \text{Ggstt}$	220.446.260
9	Chi phí kiểm toán	QĐ số 1299/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	624.089.807
10	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	nt	184.564.496
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		3.025.956.000
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh	$5,0\% \times (\text{I}+\text{II}+\text{III}+\text{IV})$	2.486.706.750
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	$1,08\% \times (\text{I}+\text{II}+\text{III}+\text{IV})$	539.249.255
	TỔNG CỘNG	I+II+III+IV+V	52.760.091.000